



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /KẾT KHTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ trong BCTC hợp nhất
năm 2023.

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất số 182/VACO/BKKIT.VN2 ngày 29/3/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị.

Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị xin được báo cáo và giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 như sau:

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này không thu thập được đầy đủ Thư xác nhận độc lập cho các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu về cho vay, Phải thu khách hàng, Phải thu khác, Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản Vay của Công ty với số tiền lần lượt là khoảng 481 triệu VND, 10 tỷ VND, 12 tỷ VND, 4,6 tỷ VND, 7,6 tỷ VND, và 17,8 tỷ VND. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, Công ty chúng tôi có gửi đi đầy đủ các Thư xác nhận độc lập theo địa chỉ người nhận lại thư xác nhận là Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Tuy nhiên có rất nhiều thư gửi đi lại quay trở lại Công ty chúng tôi do khách hàng thay đổi địa chỉ, khách hàng nhận được nhưng chưa gửi hoặc khách hàng đã gửi đi nhưng chưa đến tay người có trách nhiệm nhận để giải quyết.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có mã hàng hóa bất động sản DKNA D14-T14 trị giá 1.122.604.393 đồng; một số công trình xây lắp với số tiền 1.755.389.475 đồng; 1.851.901.617 đồng; nguyên nhân chính là do ảnh hưởng hậu dịch covid-19; Công ty chúng tôi nhận định hàng hóa bất động sản nêu trên có tính thanh khoản rất cao và tỷ suất sinh lời lớn; đối với một số công trình xây lắp với số tiền 1.755.389.475 đồng Công ty chúng tôi hiện đang gấp rút hoàn thành công tác nghiệm thu thanh toán nhằm thu hồi công nợ từ đối tác; công trình xây lắp với số tiền 1.851.901.617 đồng Công ty chúng tôi đang triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng phát triển kinh doanh.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có một số khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước người bán, đây là những đối tác kinh doanh lâu năm với Công ty; chúng tôi khẳng định thực hiện được việc thu hồi công nợ này.

Tại ngày 31/12/2024 chưa ghi nhận nghĩa vụ phải trả về phạt chậm thanh toán phát sinh từ khoản vay của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN nguyên nhân là đối tác thân thiết của Công ty chúng tôi nên không thể có vấn đề phạt chậm thanh toán.

Công ty có khoản cho vay và lãi dự thu với Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) với số tiền lần lượt là khoảng 24,3 tỷ VND và 4,6 tỷ VND; khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc số tiền 4 tỷ VND; khoản cho vay Công ty TNHH Chuyên phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam số tiền 3 tỷ VND. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, trong đó khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Công ty chúng tôi đánh giá khoản nợ phải thu này có khả năng thu hồi.



Trong năm 2023, Công ty đã trích lãi dự thu đối với khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú với số tiền khoảng 3,48 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty đang thực hiện trích lãi dự thu với lãi suất 7,23%/năm. Công ty chúng tôi đánh giá là phù hợp vì Công ty có giao dịch liên kết và việc trích lãi đó phù hợp với quy định của Pháp luật về quản lý thuế.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty CP Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC hợp nhất năm 2023 với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu KHTC



GIAM ĐỐC
LYU ZHI MING





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **33**/KĐT KIITC

Hà Nội, ngày **29** tháng **3** năm 2024

V/v. Giải trình số liệu BCTC hợp
nhất năm 2023.

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của công ty niêm yết theo hướng dẫn tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị (PCG) xin giải trình với UBCKNN và sở GDCKHN về lý do:

3. Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước là do công ty có những cải cách thay đổi trong Ban lãnh điều hành Công ty với những chính sách kinh doanh mới linh hoạt làm lợi nhuận tăng lên, hiệu quả kinh doanh kỳ này tăng.
4. Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ ở kỳ báo cáo trước sang lãi ở kỳ này là do một mặt với Ban lãnh điều hành mới của Công ty với những chính sách kinh doanh mới linh hoạt làm lợi nhuận tăng lên, mặt khác giá vốn hàng bán thấp hơn – phù hợp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị (PCG) về biến động lợi nhuận sau thuế TNDN theo BCTC hợp nhất năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế kỳ báo cáo này có sự chênh lệch tăng chuyển từ lỗ sang lãi so với kỳ báo cáo trước.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị (PCG) xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu KHTC



**GIÁM ĐỐC
LYU ZHI MING**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34

THÀNH
N.01

GA
/U

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Yang XiaoDong	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Huang Hong Jian	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lyu ZhiMing	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 9 năm 2023)
Ông Cheung YipSang	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Zhu Zhilin	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Youn Kwon Seok	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Giang Nhượng Tri	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 9 năm 2023)

Ban Giám đốc

Ông Lyu Zhiming	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 01 năm 2024)
	Phó Giám đốc (Từ ngày 06 tháng 6 năm 2023 đến ngày 23 tháng 01 năm 2024)
Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Từ ngày 06 tháng 6 năm 2023 đến ngày 23 tháng 01 năm 2024)
Ông Zhu Zhilin	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Wu Zhijun	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lý Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 182 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ Thư xác nhận độc lập cho các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu về cho vay, Phải thu khách hàng, Phải thu khác, Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản Vay của Công ty với số tiền lần lượt là khoảng 468 triệu VND, 10 tỷ VND, 12 tỷ VND, 4,6 tỷ VND, 7,6 tỷ VND và 17,8 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để đảm bảo tính hiện hữu của các khoản tiền gửi ngân hàng và công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với số dư các khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.
- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không thực hiện xác định giá trị thuần có thể thu hồi đối với một số hàng hóa bất động sản tồn kho với giá trị ghi sổ khoảng 1,1 tỷ VND; và công trình do Công ty thi công hoặc đóng vai trò là chủ đầu tư tồn đọng với giá trị ghi sổ lần lượt khoảng 1,75 tỷ VND và 1,85 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về các đánh giá của Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế cần thiết để thực hiện công việc này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không đánh giá khả năng thu hồi để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ tồn đọng lâu ngày có giá trị ghi sổ khoảng 1,36 tỷ VND. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng, đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm với số tiền khoảng 0,81 tỷ VND.

856-C
G TY
HH
TOÁN
CO
HÀ

986
TY
IÂN
ÍT T
T
-TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Trong năm, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ phải trả về phạt chậm thanh toán phát sinh từ khoản vay của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN với số tiền nợ gốc đã quá hạn đang ghi sổ kế toán là 17,8 tỷ VND. Nếu Công ty ghi nhận khoản phạt chậm trả theo điều khoản quy định trong hợp đồng thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khoản mục Chi phí phải trả sẽ tăng, đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khoản mục Chi phí tài chính sẽ tăng và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm khoảng 1,1 tỷ VND.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có khoản cho vay và lãi dự thu với Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) với số tiền lần lượt là khoảng 24,3 tỷ VND và 4,6 tỷ VND; khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc số tiền 4 tỷ VND; khoản cho vay Công ty TNHH Chuyên phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam số tiền 3 tỷ VND. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, trong đó khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay và lãi dự thu này, theo đó chúng tôi không thể xác định được dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Trong năm 2023, Công ty đã ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính đối với lãi từ khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú số tiền khoảng 3,48 tỷ VND. Căn cứ các Phụ lục của Hợp đồng cho vay tiền số 12/HĐ-KĐT được ký giữa hai bên: lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay là 5% - 6%/năm thì lãi phát sinh trong năm là khoảng 1,32 tỷ VND. Nếu Công ty ghi nhận lãi cho vay theo đúng lãi suất quy định trong các phụ lục hợp đồng thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khoản mục Phải thu khác sẽ giảm khoảng 2,16 tỷ VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính và Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm với số tiền tương ứng.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có một số khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên là người nước ngoài với số tiền khoảng 8,7 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về mục đích của các khoản tạm ứng này, chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để thực hiện công việc này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 67/2023/BCKT-AVI-TCI đề ngày 28 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến số dư phải thu cho vay và lãi dự thu với Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (bên liên quan), đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 vấn đề này vẫn chưa được xử lý. Một số số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu năm này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.982.580.182	175.081.447.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.433.568.996	11.101.551.072
1. Tiền	111		3.433.568.996	5.421.551.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.680.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.708.021.918	31.787.875.824
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	21.708.021.918	31.787.875.824
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.471.602.569	85.248.906.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.118.274.017	66.627.685.965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.297.582.131	6.661.057.403
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	8.000.000.000	28.372.429.335
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	10.724.612.084	8.128.108.322
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(25.668.865.663)	(24.540.374.288)
IV. Hàng tồn kho	140	11	14.146.148.148	13.575.012.898
1. Hàng tồn kho	141		14.802.625.915	14.231.490.665
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(656.477.767)	(656.477.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.223.238.551	33.368.101.171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	432.991.495	183.540.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.790.247.056	33.184.560.684
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.143.804.848	73.338.135.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.104.276.678	65.795.872
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	27.372.429.335	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.731.847.343	65.795.872
II. Tài sản cố định	220		13.079.945.553	15.484.220.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.357.601.134	14.737.461.169
- Nguyên giá	222		31.427.568.919	31.427.568.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.069.967.785)	(16.690.107.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	722.344.419	746.759.416
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(686.414.494)	(661.999.497)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.851.901.617	1.967.756.721
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.851.901.617	1.967.756.721
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	16.302.816.359	-
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		16.302.816.359	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		54.804.864.641	55.820.361.959
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	54.774.247.095	55.789.744.413
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.617.546	30.617.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		272.126.385.030	248.419.582.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		105.746.065.053	82.898.561.286
I. Nợ ngắn hạn	310		105.271.516.402	82.277.012.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	77.383.238.123	55.220.786.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	895.343.501	2.012.242.419
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	124.375.827	91.059.851
4. Phải trả người lao động	314		114.978.808	508.525.864
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	6.072.249.298	4.821.728.315
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	140.118.671	192.464.119
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.521.885.232	2.090.936.867
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	17.826.600.000	17.322.900.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		192.726.942	16.368.394
II. Nợ dài hạn	330		474.548.651	621.548.902
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	408.581.847	563.982.963
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		65.966.804	57.565.939
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.380.319.977	165.521.021.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	166.380.319.977	165.521.021.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.733.326.709)	(41.592.625.133)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(41.592.625.133)	(40.668.546.158)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		859.298.424	(924.078.975)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		272.126.385.030	248.419.582.839



Lyu Zhiming
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024


 Nguyễn Trúc Lâm
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Đầu
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.092.519.276	421.037.037.038
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.864.478	61.575.120
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	309.084.654.798	420.975.461.918
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	284.552.404.662	398.076.119.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.532.250.136	22.899.342.692
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.260.746.564	2.873.905.530
7. Chi phí tài chính	22	30	1.827.572.521	1.985.173.137
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.263.872.521	1.245.056.465
8. Lỗ trong công ty liên kết	24		(147.183.641)	-
9. Chi phí bán hàng	25	31	11.388.928.592	11.813.867.660
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	15.239.181.449	11.963.970.776
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.190.130.497	10.236.649
12. Thu nhập khác	31	33	16.594.357	319.072.018
13. Chi phí khác	32	34	1.212.426.430	1.085.387.642
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.195.832.073)	(766.315.624)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		994.298.424	(756.078.975)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		994.298.424	(756.078.975)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		994.298.424	(756.078.975)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	45,54	(48,97)



Lyu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	296.801.483.529	453.861.060.618
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(299.971.805.590)	(449.693.029.060)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.983.600.908)	(8.162.709.247)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.458.337.213	1.165.124.732
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.291.576.669)	(6.639.695.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.012.837.575	(9.469.248.163)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(125.673.162)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.702.118.108)	(31.322.059.043)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.781.972.014	23.290.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.450.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.776.226.743	1.716.142.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.593.919.351)	(6.441.589.674)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.900.300)	(9.943.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(86.900.300)	(9.943.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.667.982.076)	(15.920.781.487)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.101.551.072	27.021.639.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	693.355
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.433.568.996	11.101.551.072



Lyu Zhiming
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 8 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là 0102349865.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 188.700.000.000 VND tương ứng với 18.870.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là PCG.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4 số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 51 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 47 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính***Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:***

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

C
C
TY
H
A
N
O
I
H
A
N
O
I865
TY
H
A
N
O
I
P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Công ty có một văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng để thực hiện hoạt động bán hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính bao gồm:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Đắk Lắk	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	Hà Nội	47%	47%	Tư vấn quản lý

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu báo cáo tài chính của năm trước đảm bảo khả năng so sánh được với số liệu của năm nay. Một số số liệu đã được trình bày lại như trình bày tại Thuyết minh số 37.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và giữa các công ty con với Công ty đã được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Bốn công ty con của Công ty đều do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ nên không có lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là các công trình xây lắp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	05
Tài sản cố định khác	03 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất của Công ty là 37 năm, thương hiệu và phần mềm máy tính có thời gian khấu hao từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng trả trước tại địa điểm tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.
- Tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh với thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm. Chi phí bảo hiểm phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm thực tế.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, chi phí phải trả khác..., trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất áp dụng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được các bên xác nhận nghiệm thu. Các khoản chi phí hợp đồng xây dựng có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

306
Y
N
TR
TH
P.Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư EVERYOUNG Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Công ty liên kết Lãnh đạo chủ chốt

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là sản xuất, kinh doanh gas dân dụng, gas công nghiệp và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	161.113.007	145.974.161
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.272.455.989	5.275.576.911
Các khoản tương đương tiền (i)	-	5.680.000.000
Cộng	3.433.568.996	11.101.551.072

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	55.816.781
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	21.708.021.918	31.732.059.043
Cộng	21.708.021.918	31.787.875.824

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng đến và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số tiền 6.108.021.918 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 15.055.816.781 VND) đã được Công ty dùng để đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Best Pacific Việt Nam	39.747.329.134	14.452.789.725
Công ty Cổ phần Đức chính xác CQS MAY'S	6.565.533.487	11.749.999.734
Các đối tượng khác	37.805.411.396	40.424.896.506
Cộng	84.118.274.017	66.627.685.965

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (i)	5.577.000.000	5.577.000.000
Các đối tượng khác	2.720.582.131	1.084.057.403
Cộng	8.297.582.131	6.661.057.403

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng trên, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với toàn bộ khoản trả trước cho người bán này như trình bày tại Thuyết minh số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.000.000.000	28.372.429.335
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (i)	-	24.372.429.335
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam (iii)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê (iv)	1.000.000.000	-
b) Dài hạn	27.372.429.335	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á (v)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú - Bên liên quan (i)	24.372.429.335	-
Cộng	35.372.429.335	28.372.429.335

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Phụ lục bổ sung số 5 ngày 02 tháng 6 năm 2023 gia hạn khoản cho vay đến ngày 02 tháng 6 năm 2043, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (ii) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 18/HĐKT ngày 06 tháng 12 năm 2022 với kỳ hạn 1 năm và không tính lãi.
- (iii) Khoản cho vay Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 05/HĐKT ngày 10 tháng 01 năm 2023, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (iv) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 150523/HĐKT ngày 17 tháng 5 năm 2023 có hạn mức là 1.500.000.000 VND, số tiền vay được giải ngân theo nhu cầu vay từng lần trong năm, thời gian cho vay 1 năm, từ ngày 17 tháng 5 năm 2023, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (v) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á theo Hợp đồng số 24/HĐKT ngày 19 tháng 12 năm 2023 với số tiền vay 3.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 3 năm kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	1.891.510.998	-	1.980.011.683	-
Tạm ứng	584.956.155	-	765.254.331	-
Ký cược, ký quỹ	267.441.385	-	92.000.000	-
Lãi dự thu	825.873.202	-	955.952.624	-
Các khoản phải thu khác	213.240.256	-	166.804.728	-
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	8.833.101.086	-	6.148.096.639	-
Tạm ứng	8.833.101.086	-	4.685.750.879	-
- Ông Zhu Zhilin	5.157.509.847	-	3.776.819.149	-
- Ông Wu ZhiJun	2.350.931.730	-	650.931.730	-
- Ông Yang Xiaowei	1.178.311.721	-	-	-
- Các đối tượng khác	146.347.788	-	258.000.000	-
Lãi dự thu	-	-	1.462.345.760	-
- Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	-	-	1.462.345.760	-
c) Phải thu khác dài hạn	82.400.000	-	65.795.872	-
Ký cược, ký quỹ	82.400.000	-	65.795.872	-
d) Phải thu khác dài hạn là bên liên quan	4.649.447.343	-	-	-
Lãi dự thu	4.649.447.343	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	4.649.447.343	-	-	-
Cộng	15.456.459.427	-	8.193.904.194	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÂN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	9.583.942.801	-	(9.583.942.801)	9.583.942.801	(9.583.942.801)
Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải	2.973.279.100	-	(2.973.279.100)	2.973.279.100	(2.973.279.100)
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đông Đô	2.905.659.887	-	(2.905.659.887)	2.905.659.887	(2.905.659.887)
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Bắc Giang	2.625.291.171	-	(2.625.291.171)	2.625.291.171	(2.625.291.171)
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	3.220.539.974	966.161.992	(2.254.377.982)	3.685.539.974	(1.767.769.987)
Công ty TNHH Đầu tư đa ngành Thành Lợi	2.054.625.909	616.387.773	(1.438.238.136)	2.054.625.909	(1.027.312.955)
Tianjin Ruoshui Energy Technology Co., Ltd.	1.174.179.778	-	(1.174.179.778)	1.125.616.241	(787.931.368)
Các đối tượng khác	2.932.254.210	218.357.402	(2.713.896.808)	2.932.254.212	(2.869.187.019)
Cộng	27.469.772.830	1.800.907.167	(25.668.865.663)	27.886.209.295	(24.540.374.288)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.436.790.991	(536.294.756)	8.621.434.730	(536.294.756)
Công cụ, dụng cụ	15.255.725	-	15.255.725	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	2.481.943.193	(120.183.011)	1.891.020.016	(120.183.011)
Hàng hoá:	3.868.636.006	-	3.223.855.918	-
- Gas, khí hóa lỏng	2.746.031.613	-	2.101.251.525	-
- Bất động sản	1.122.604.393	-	1.122.604.393	-
Hàng gửi đi bán	-	-	479.924.276	-
	14.802.625.915	(656.477.767)	14.231.490.665	(656.477.767)

Ghi chú:

(i) Chi tiết các dự án thực hiện dở dang như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án tòa nhà BNG	1.281.605.901	-	1.281.605.901	-
Hệ thống cấp gas trung tâm nhà máy SAB Thanh Hóa	401.935.293	-	-	-
Hệ thống gas TTTM	240.501.024	-	240.501.024	-
Khách sạn Dịch vụ (A&B Centre)				
Hệ thống cấp gas cho dự án FLC Hạ Long	228.882.550	(120.183.011)	228.882.550	(120.183.011)
Các dự án khác	329.018.425	-	140.030.541	-
Cộng	2.481.943.193	(120.183.011)	1.891.020.016	(120.183.011)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	432.991.495	183.540.487
Chi phí bảo hiểm	50.796.853	63.397.087
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	86.349.284	66.340.179
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	295.845.358	53.803.221
b) Dài hạn	54.774.247.095	55.789.744.413
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng gắn liền với đất (i)	31.355.908.350	32.209.130.346
Tiền thuê văn phòng (ii)	22.440.002.868	23.052.948.236
Chi phí trả trước dài hạn khác	978.335.877	527.665.831
Cộng	55.207.238.590	55.973.284.900

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTĐ/PV ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các Phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê đất đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 với mục đích đầu tư hệ thống cung cấp khí trung tâm và vận hành kinh doanh theo Văn bản phê duyệt dự án số 6167333488 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban quản lý Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan có thẩm quyền cấp.
- (ii) Khoản tiền thuê văn phòng tầng 4 tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 2909/2010/HĐ-VQKVN ngày 21 tháng 12 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo với thời hạn thuê 50 năm đến ngày 10 tháng 8 năm 2060.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ												
Số dư đầu năm	1.995.855.329	2.191.867.863	2.346.230.910	56.450.000	24.837.164.817	31.427.568.919						
Số dư cuối năm	1.995.855.329	2.191.867.863	2.346.230.910	56.450.000	24.837.164.817	31.427.568.919						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	336.571.221	1.161.651.597	1.488.052.916	56.450.000	13.647.382.016	16.690.107.750						
Khấu hao trong năm	38.495.088	171.822.276	298.519.627	-	1.871.023.044	2.379.860.035						
Số dư cuối năm	375.066.309	1.333.473.873	1.786.572.543	56.450.000	15.518.405.060	19.069.967.785						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư đầu năm	1.659.284.108	1.030.216.266	858.177.994	-	11.189.782.801	14.737.461.169						
Số dư cuối năm	1.620.789.020	858.393.990	559.658.367	-	9.318.759.757	12.357.601.134						

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 5.435.988.873 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 3.663.666.132 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
Số dư cuối năm	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	160.519.497	70.000.000	431.480.000	661.999.497
Khấu hao trong năm	24.414.997	-	-	24.414.997
Số dư cuối năm	184.934.494	70.000.000	431.480.000	686.414.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	746.759.416	-	-	746.759.416
Số dư cuối năm	722.344.419	-	-	722.344.419

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 501.480.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 501.480.000 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm LDR Long AN	1.851.901.617	1.851.901.617
Trạm Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang	-	115.855.104
Cộng	1.851.901.617	1.967.756.721

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	16.450.000.000	16.302.816.359	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	16.450.000.000	16.302.816.359	-	-
Cộng	16.450.000.000	16.302.816.359	-	-

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì công ty trên không phải Công ty đại chúng và không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giao dịch phát sinh với Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	77.383.238.123	77.383.238.123	55.220.786.555	55.220.786.555
Công ty TNHH Dầu khí Đài Hải	53.673.695.021	53.673.695.021	23.675.085.996	23.675.085.996
Công ty TNHH Khí Hóa Lông Thăng Long	7.209.728.993	7.209.728.993	4.075.488.000	4.075.488.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng	-	-	3.824.700.000	3.824.700.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Trung	3.644.104.704	3.644.104.704	6.748.126.563	6.748.126.563
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	-	-	3.219.149.762	3.219.149.762
Công ty Cổ phần Nội Thương Bắc	2.783.606.044	2.783.606.044	8.598.859.680	8.598.859.680
Các đối tượng khác	10.072.103.361	10.072.103.361	5.079.376.554	5.079.376.554
Cộng	77.383.238.123	77.383.238.123	55.220.786.555	55.220.786.555

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Chính xác Việt Nam (VPIC)	-	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	108.699.539	108.699.539
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	712.600.000	712.600.000
Các đối tượng khác	74.043.962	70.942.880
Cộng	895.343.501	2.012.242.419

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	36.850.143	620.641.285	560.928.778	96.562.650
Thuế thu nhập cá nhân	54.209.708	189.368.270	215.784.801	27.793.177
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	48.156.473	48.136.473	20.000
Cộng	91.059.851	858.166.028	824.850.052	124.375.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.943.563.976	4.619.691.455
Các khoản chi phí phải trả khác	128.685.322	202.036.860
Cộng	6.072.249.298	4.821.728.315

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu bán IC Card	140.118.671	192.464.119
Cộng	140.118.671	192.464.119

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>2.521.885.232</i>	<i>2.090.936.867</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.056.055.200	1.147.529.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	616.907.799	653.208.027
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	73.601.720	71.209.325
Các khoản khác	775.320.513	218.990.315
<i>b) Phải trả dài hạn khác</i>	<i>408.581.847</i>	<i>563.982.963</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	408.581.847	563.982.963
Cộng	2.930.467.079	2.654.919.830

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊTầng 4, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN	17.826.600.000	17.826.600.000	503.700.000	-	17.322.900.000	17.322.900.000
Cộng	17.826.600.000	17.826.600.000	503.700.000	-	17.322.900.000	17.322.900.000

Khoản vay từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 01 tháng 8 năm 2021 nhằm bổ sung vốn lưu động với số tiền 730.000 USD, lãi suất một năm bằng lãi suất VNIBOR 12 tháng cộng 2,5%. Lãi phạt chậm trả bằng lãi suất một năm cộng 5%. Hạn thanh toán toàn bộ gốc và lãi được gia hạn đến ngày 01 tháng 8 năm 2023.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong năm**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Lỗ) trong năm	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	(40.668.546.158)	166.445.100.528	(756.078.975)	(168.000.000)		
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư đầu năm nay	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	(41.592.625.133)	165.521.021.553	994.298.424	(135.000.000)	994.298.424	(135.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	994.298.424	-	994.298.424	-
Thù lao HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(135.000.000)	-	(135.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	188.700.000.000	15.480.000.000	-	-	2.596.615.372	337.031.314	(40.733.326.709)	166.380.319.977	(40.733.326.709)	166.380.319.977	166.380.319.977	166.380.319.977

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, Công ty đã trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 với số tiền là 135.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 8 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	-	0,0%	28.000.000.000	14,8%
Bà Nguyễn Thanh Tú	42.917.000.000	22,7%	14.917.000.000	7,9%
Bà Thái Thị Duyên Hải	27.717.000.000	14,7%	27.717.000.000	14,7%
Ông Zhu Zhilin	47.000.000.000	24,9%	47.000.000.000	24,9%
Ông Cheng Qing Huang	17.148.000.000	9,1%	17.148.000.000	9,1%
Prism Energy International Hong Kong Limited	9.435.000.000	5,0%	9.435.000.000	5,0%
Các đối tượng khác	44.483.000.000	23,6%	44.483.000.000	23,6%
Cộng	188.700.000.000	100%	188.700.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số đầu năm	Số cuối năm
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	188.700.000.000	188.700.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	188.700.000.000	188.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số đầu năm	Số cuối năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.870.000	18.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

25. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ các loại (USD)	883,02	896,22

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	309.092.519.276	421.037.037.038
Doanh thu bán hàng hóa	304.832.831.824	418.019.482.942
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.133.960.178	2.803.158.472
Doanh thu cung cấp dịch vụ	125.727.274	214.395.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.864.478	61.575.120
Chiết khấu thương mại	7.864.478	61.575.120
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	309.084.654.798	420.975.461.918

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	281.637.870.196	395.570.723.624
Giá vốn hoạt động xây dựng	2.914.534.466	2.379.736.806
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	5.475.785
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	120.183.011
Cộng	284.552.404.662	398.076.119.226

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.725.081.444	2.148.742.290
Lãi cho vay	3.487.101.583	725.163.240
Lãi chênh lệch tỷ giá	48.563.537	-
Cộng	6.260.746.564	2.873.905.530

Trong đó doanh thu hoạt động tài chính với bên liên quan:

Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	3.487.101.583	725.163.240
-----------------------------	---------------	-------------

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.263.872.521	1.245.056.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá	503.700.000	674.587.384
Chi phí tài chính khác	60.000.000	65.529.288
Cộng	1.827.572.521	1.985.173.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	11.388.928.592	11.813.867.660
Chi phí nhân viên	4.694.808.654	4.679.203.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.011.407.499	2.046.372.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	4.682.712.439	5.088.291.920
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	15.239.181.449	11.963.970.776
Chi phí nhân viên	5.278.586.953	5.198.504.215
Chi phí khấu hao TSCĐ	273.376.390	273.376.390
Thuế, phí và lệ phí	7.059.619	12.000.000
Chi phí dự phòng	1.128.491.375	887.160.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	8.551.667.112	5.592.929.248
Cộng	26.628.110.041	23.777.838.436

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.616.845.103	434.442.162
Chi phí nhân công	11.153.442.412	10.450.649.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.284.783.889	2.332.710.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	14.269.366.076	10.733.898.182
Cộng	32.324.437.480	23.951.700.017

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	199.927	-
Xử lý số dư nhỏ lẻ	26.036	1
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	222.220.555
Hoàn nhập chi phí bảo hành	16.368.394	96.851.462
Cộng	16.594.357	319.072.018

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Phân bổ tiền thuê đất	853.221.996	853.221.996
Chi phí khấu hao tài sản	119.491.143	119.491.143
Các khoản bị phạt	71.713.291	89.178.491
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	-
Chi phí khác	168.000.000	23.496.012
Cộng	1.212.426.430	1.085.387.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	994.298.424	(756.078.975)
<i>Điều chỉnh thù lao Hội đồng Quản trị</i>	<i>(135.000.000)</i>	<i>(168.000.000)</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	859.298.424	(924.078.975)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	45,54	(48,97)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư được trình bày tại các Thuyết minh số 8; 9; 16; 24 và 29, trong năm, Công ty còn có một số giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú		
Lãi cho vay	3.487.101.583	2.074.890.472
Thu lãi cho vay	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung		
Góp vốn	16.450.000.000	-
Tạm ứng		
Ông Lyu ZhiMing	70.000.000	-
Ông Zhu Zhilin	1.444.000.000	1.709.000.000
Ông Wu ZhiJun	2.000.000.000	500.000.000
Hoàn ứng		
Ông Lyu ZhiMing	70.000.000	-
Ông Zhu Zhilin	63.309.302	76.099.988
Ông Wu ZhiJun	300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	Chức vụ	266.500.000	369.083.333
Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	186.500.000	273.083.333
Ông Yang XiaoDong	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	12.000.000	-
Ông Huang Hong Jian	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	12.000.000	-
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	12.000.000	-
Ông Lyu ZhiMing	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/9/2023)	2.000.000	-
Ông Cheung YipSang	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	8.000.000	24.000.000
Ông Zhu Zhilin	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	8.000.000	24.000.000
Ông Youn Kwon Seok	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	8.000.000	24.000.000
Ông Giang Nhượng Tri	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/9/2023)	18.000.000	24.000.000
Ban Giám đốc		675.242.045	633.137.680
Ông Lyu Zhiming	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 23/01/2024) Phó Giám đốc (Từ ngày 06/6/2023 đến ngày 23/01/2024)	197.646.000	-
Ông Huang Hong Jian	Giám đốc (Từ ngày 06/6/2023 đến ngày 23/01/2024)	204.634.045	-
Ông Zhu Zhilin	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	139.512.000	326.785.920
Ông Wu Zhijun	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/7/2023)	133.450.000	306.351.760
Ban Kiểm soát		243.550.827	181.350.111
Ông Zhang Bin	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 26/4/2023)	12.000.000	-
Bà Đặng Thị Thu Giang	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2023)	9.000.000	-
Ông Gao ZhiXin	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)	8.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thứ Hương	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)	-	7.442.916
Bà Cao Lệ Thu	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)	214.550.827	149.907.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Một số số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu năm nay. Cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán				
Chi phí trả trước dài hạn (i)	261	58.491.614.067	(2.701.869.654)	55.789.744.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(38.890.755.479)	(2.701.869.654)	(41.592.625.133)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(38.819.898.500)	(1.848.647.658)	(40.668.546.158)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(70.856.979)	(853.221.996)	(924.078.975)
Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí khác (i)	32	232.165.646	853.221.996	1.085.387.642
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	97.143.021	(853.221.996)	(756.078.975)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	97.143.021	(853.221.996)	(756.078.975)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(3,76)	(45,21)	(48,97)

Ghi chú:

- (i) Công ty thực hiện phân bổ tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu kinh tế Vũng Áng.

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Lưu Zhiming
Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Trúc Lâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu